

LD VIETSOVPETRO
TRƯỞNG BAN ĐĐT

K/g: Đ/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miền nam

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 21/10/2019

STT	NOMBA Y	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		TD1+P5+CLO	7:25	4+9+9	0+0+0		3+8+11	0+0+0	
2		TTCl+P3+TD1	7:25	4+0+18	0+0+0		0+3+19	0+0+0	
3		RP2+CLO+RP1	9:25	14+5+1	0+0+0		0+19+0	0+0+0	CHUYỂN 2 CLO RP1

TTBDSX

FLIGHT MANIFEST

DATE: 21/10/2019	FROM: VT	AIRCRAFT: 416	ETD: 07:30
FLIGHT: 1	TO: TD1 - P5 - CLO	CREW: Cương - KHẢI - thông	ETA: 09:10
xanh-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	SMAKOV A.A	TD1	86	1	10		80	KHOAN	Russian
2	NGUYEN QUANG THUC	TD1	85	1	5		70	KHOAN	Vietnamese
3	BUI VAN LUAN	TD1	84	1	5		60	KHOAN	Vietnamese
4	NGUYEN DINH NAM	TD1	87	1	5		75	KHOAN	Vietnamese
5	VÔ HOÀNG QUÂN	P5	09	1	5		72	NAM TIEN	Vietnamese
6	VÔ VĂN DIỄN	P5	03	1	5		85	NAM TIEN	Vietnamese
7	CHIEM MINH TRUYEN	P5	05-06	2	10	70	65	NAM TIEN	Vietnamese
8	NGUYEN THANH TU	P5	04	1	5	20	60	NAM TIEN	Vietnamese
9	TU VAN SON	P5	10	1	5		80	PSV	Vietnamese
10	VŨ NGUYEN HIỆP	P5	08	1	5		65	NAM TIEN	Vietnamese
11	TRẦN HỮU SƠN	P5	07	1	5		70	XAYLAP	Vietnamese
12	PHẠM VĂN CHÍNH	P5	01-02	2	12		70	XAYLAP	Vietnamese
13	ĐINH XUÂN PHÚ	CLO	41	1	5		75	KHOAN	Vietnamese
14	BUI ĐỨC LUAN	CLO	42	1	5		75	KHOAN	Vietnamese
15	NIKOLAYEV G.M	CLO	48	1	10		75	KHOAN	Russian
16	PHAN QUANG HIEN	CLO	47	1	5		65	KHOAN	Vietnamese
17	NGUYEN MANH HUNG	CLO	44	1	5		74	KHOAN	Vietnamese
18	NGUYEN LAP QUOC	CLO	43	1	2		70	KHOAN	Vietnamese
19	NGUYEN ĐANG BAO	CLO	45	1	5		60	KHOAN	Vietnamese
20	NGUYEN CONG BANG	CLO	46	1	5	50	76	KHOAN	Vietnamese
21	VŨ MANH HUNG	CLO	49	1	5		72	KHOAN	Vietnamese
22	PHAM MINH TRONG	CLO	50-51	2	15		70	KHOAN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD1	4	4	25	285	0	3		
2	P5	8	10	52	567	90	8		
3	CLO	10	11	62	712	50	11		
TOTAL		22	25	139	1.564	140	22		
WEIGHT KG				139	1.564	140			

GRAND TOAL: 1.843 KGS

VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST

DATE: 21/10/2019	FROM: VT	AIRCRAFT: 406	ETD: 07:35
FLIGHT: 2	TO: TTC1 - P3 - TD1	CREW: TUYỀN - Khang - Mạnh - Luy	ETA: 09:15
CAM-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	CAO ĐẮC DÂN	TTC1	21,73	2	15		71	CODIEN	Vietnamese
2	VÕ TIẾN PHỤNG	TTC1	74	1	10		64	CODIEN	Vietnamese
3	ĐẶNG TIẾN TOÀN	TTC1	23-24	2	20		70	CODIEN	Vietnamese
4	KIM NHẬT THANH	TTC1	22	1	7		69	CODIEN	Vietnamese
5	NGUYỄN TRỌNG HÙNG	TD1	33	1	4	30	75	KHOAN	Vietnamese
6	TRẦN THANH TUẤT	TD1	36	1	8		54	KHOAN	Vietnamese
7	TRẦN MẠNH TIẾP	TD1	37	1	10		70	KHOAN	Vietnamese
8	TRẦN QUANG LƯỢNG	TD1	45	1	4		85	KHOAN	Vietnamese
9	TRƯƠNG XUÂN TRUNG	TD1	42	1	9		67	KHOAN	Vietnamese
10	NINH ĐỨC THUẬT	TD1	25-26	2	12		60	KHOAN	Vietnamese
11	VŨ QUÝ VINH	TD1	40-41	2	14		75	KHOAN	Vietnamese
12	NGUYỄN ĐỨC HẬU-PVDT	TD1	35	1	7		69	KHOAN	Vietnamese
13	LƯU ĐÌNH MINH	TD1	47-49	3	20		63	KHOAN	Vietnamese
14	THAI VIỆT ĐỊNH	TD1	43-44	2	15		69	KHOAN	Vietnamese
15	NGUYỄN HỒNG PHƯỚC	TD1	28	1	5		67	ANTOAN	Vietnamese
16	NGUYỄN QUỐC HÙNG	TD1					81	DVL	Vietnamese
17	LY NHẬT TRƯỞNG	TD1	31	1	12		76	DVL	Vietnamese
18	TÔNG TIẾN QUANG	TD1	32	1	15		75	DVL	Vietnamese
19	KRAVTSOV ALEXANDER	TD1	29-30	2	19		73	DVL	Russian
20	NGUYỄN TRƯỜNG SINH	TD1	46	1	7		77	DVL	Vietnamese
21	BUI HUY BĂNG	TD1	34	1	10	30	65	DVL	Vietnamese
22	TRƯƠNG MINH KHANH	TD1	27	1	10		70	DVL	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TTC1	4	6	52	274	0	0		
2	P3	0	0	0	0	0	3		
3	TD1	18	23	181	1.271	60	19		
TOTAL		22	29	233	1.545	60	22		
WEIGHT KG				233	1.545	60			

GRAND TOAL: 1.838 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 21/10/2019	FROM: VT	AIRCRAFT: 406	ETD: 09:35
FLIGHT: 3	TO: RP2 - CLO - RP1	CREW: TUYỀN - Khang - Mạnh - Luy	ETA: 11:15
XANH-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN NGOC LONG	RP2	84	1	17		63	XAYLAP	Vietnamese
2	NGUYỄN VŨ HỘI	RP2	71-72	2	12	50	75	XAYLAP	Vietnamese
3	LÊ VĂN NIN	RP2	74-75	2	10		70	XAYLAP	Vietnamese
4	PHẠM NGỌC HÀ	RP2	73	1	12		64	XAYLAP	Vietnamese
5	NGUYỄN CÔNG DANH	RP2	64-65	2	8		70	XAYLAP	Vietnamese
6	PHAN ĐĂNG HUÂN	RP2	69-70	2	17		80	XAYLAP	Vietnamese
7	HUYNH KY MINH TUÂN	RP2	66-67	2	17		65	XAYLAP	Vietnamese
8	BUI VĂN TRI	RP2	63	1	10		70	XAYLAP	Vietnamese
9	ĐẶNG VĂN DÂN	RP2	62	1	5		62	XAYLAP	Vietnamese
10	TRẦN NGỌC DUY	RP2	61	1	5		65	XAYLAP	Vietnamese
11	NGUYỄN ĐẠI HAI	RP2	68	1	10		74	XAYLAP	Vietnamese
12	HOANG THANH BÌNH	RP2	77-79	3	17		60	XAYLAP	Vietnamese
13	NGUYỄN TRỌNG QUÊ	RP2	80-81	2	17		78	XAYLAP	Vietnamese
14	TRẦN ĐỨC THIÊN	RP2	82-83	2	15		70	XAYLAP	Vietnamese
15	ĐAU VĂN XUAN	RP2	76	1	7		65	GETRACO	Vietnamese
16	BUI XUÂN DUY	CLO	57	1	7		65	KHOAN	Vietnamese
17	PHI CÔNG MINH*TĐ-PVDT	CLO	58	1	10		70	KHOAN	Vietnamese
18	LÊ VĂN PHU	CLO	56	1	5		75	YTE	Vietnamese
19	LAI ĐÌNH HAI	CLO	55	1	5		85	PSV	Vietnamese
20	THAI ĐOÀN BÌNH	RP1	47-48	2	17		70	NIPI	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RP2	15	24	179	1.031	50	1		CHUYEN 2 PAX CLO SANG RP1
2	CLO	4	4	27	295	0	18		
3	RP1	1	2	17	70	0	3		
TOTAL		20	30	223	1.396	50	22		
WEIGHT KG				223	1.396	50			

GRAND TOAL: 1.669 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 22/10/2019

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		TTC3+TGTH5+AMD	7:25	6+2+14	0+0+0		1+3+18	0+0+0	
2		CTK3+BK16+TD2	7:25	3+0+19	0+0+0		1+0+20	0+0+0	CHUYỂN 2 CTK3-BK16
3		PPD+BK5+RP3	7:25	20+0+2	0+0+0		14+0+8	0+0+0	CHUYỂN 1 PPD BK5; CHUYEN 1 PPD-RP3
4		P6+RP2	7:25	22+0	0+0		16+6	0+0	
5		P5+P4+P3	9:25	1+17+4	0+0+0		0+11+11	0+0+0	
6		RP3	9:25	22	0		22	0	
7		P6+VSP01	9:25	11+11	0+0		11+11	0+0	
8		PPD+TTC1	9:25	17+5	0+0		10+10	0+0	
9		JS2+RC3+VSP01	11:25	4+1+17	0+0+0		2+0+20	0+0+0	CHUYEN 1 JS2- RC3
10		P6+P8+CTK3	11:25	2+20+0	0+0+0		0+15+7	0+0+0	
11		AMD+TTC2+P4	11:25	7+7+8	0+0+0		3+5+13	0+0+0	
12		AMD+TGTH4+TTC3	13:25	18+3+1	0+0+0		14+3+5	0+0+0	
13		BK4+BK10+P8	13:25	0+9+7	0+0+0		0+0+22	0+0+0	CHUYỂN 4 BK4 BK10

TTBDSX

Ghi Chú : Xem lịch bay sau 17h và mở rộng dòng này để xem tất cả các thông báo.
1/ 1 NPI TỪ RP2 VỀ ĐI RC3 CHUYỂN ĐOT 3.
2/ ĐI VỀ TRONG NGÀY TTC3-1 NGƯỜI.

FLIGHT MANIFEST

DATE: 22/10/2019	FROM: VT	AIRCRAFT: 406	ETD: 07:30
FLIGHT: 1	TO: TTC3 - TGTH5 - AMD	CREW: Hòì - DUONG - VAnh - DTùng	ETA: 09:10
XANH-1			

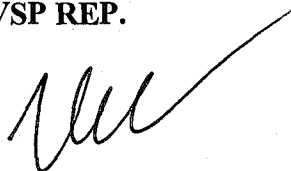
No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	ĐỖ HIỆP PHÚ	TTC3	33	1	2	30	54	ANTOAN	Vietnamese
2	CHU ĐỨC HÙNG	TTC3	28-29	2	9		58	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYỄN VĂN BÁC	TTC3	27	1	2		52	KH-THAC	Vietnamese
4	PHẠM VĂN KHUÔNG	TTC3	32	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYỄN TRỌNG TÂN	TTC3	30	1	5		66	KH-THAC	Vietnamese
6	LÊ TRƯỞNG SA	TTC3	31	1	2		66	KH-THAC	Vietnamese
7	LÊ HUY HOANG	TGTH5	55	1	5		69	HLJOC	Vietnamese
8	NGUYỄN HỮU LUẬT	TGTH5	53-54	2	7		68	KH-THAC	Vietnamese
9	THAN CANH THINH	AMD	75-77	3	17	43	74	TLJOC	Vietnamese
10	LÊ ANH HAO	AMD	68-69	2	12	70	50	HLJOC	Vietnamese
11	NGUYỄN DINH PHUONG	AMD	73-74	2	10		75	HLJOC	Vietnamese
12	NGUYỄN BA HÙNG	AMD	71-72	2	10		71	HLJOC	Vietnamese
13	NGUYỄN ANH DUY	AMD	70	1	13		58	KH-THAC	Vietnamese
14	DƯƠNG CHÍ PHÔNG	AMD	67	1	4		67	KH-THAC	Vietnamese
15	ĐOÀN TÂN TRI	AMD	80	1	6		71	KH-THAC	Vietnamese
16	ĐINH TRƯỞNG PHI	AMD	65	1	7		70	KH-THAC	Vietnamese
17	PHẠM VĂN QUANG	AMD	61	1	5		71	KH-THAC	Vietnamese
18	LÊ ANH MINH	AMD	66	1	3		65	KH-THAC	Vietnamese
19	TRẦN ĐỨC TRUNG	AMD	63	1	5		55	KH-THAC	Vietnamese
20	LÊ PHÔNG VIÊN (PVDT)	AMD	64	1	5		72	KH-THAC	Vietnamese
21	NGUYỄN VĂN DÂN	AMD	62	1	6		58	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TTC3	6	7	25	366	30	1		
2	TGTH5	2	3	12	137	0	3		
3	AMD	13	18	103	857	113	18		
TOTAL		21	28	140	1.360	143	22		
WEIGHT KG				140	1.360	143			

GRAND TOAL: 1.643 KGS

VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST



DATE: 22/10/2019	FROM: VT	AIRCRAFT: 427	ETD: 07:40
FLIGHT: 03	TO: PPD - BK5 - RP3	CREW: TUYỀN - Khang - NPhú - Luy	ETA: 09:20
VANG-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TRẦN ĐỨC QUANG	PPD	58	1	3		74	KHI	Vietnamese
2	OKOVANSEV G.P	PPD	51	1	10		115	KHI	Russian
3	NGUYỄN VĂN NAM	PPD	49	1	5		77	KHI	Vietnamese
4	DƯƠNG CHI TUYỀN	PPD	53	1	5		68	KHI	Vietnamese
5	NGÔ XUÂN HUƠNG	PPD	48	1	5		72	KHI	Vietnamese
6	NGUYỄN MINH HOANG	PPD	47	1	5		70	KHI	Vietnamese
7	LÊ TRUNG LÂN	PPD	54	1	3		84	KHI	Vietnamese
8	TRẦN SƠN TOÀN	PPD	50	1	8		73	KHI	Vietnamese
9	LY XUÂN TRUNG	PPD	82-83	2	10		70	YTE	Vietnamese
10	GALLIAM	PPD	52	1	6		77	KH-THAC	Russian
11	TRẦN HOANG QUYỀN	PPD	63-64	2	15		71	DK BUREA	Vietnamese
12	NGUYỄN TRUNG THANH	PPD	61-62	2	10		82	DK BUREA	Vietnamese
13	MEDVEDEVSKY	PPD	59	1	6		93	D-HANH	Russian
14	TENG XING YANG	PPD	67	1	15	15	74	KH-THAC	Chinese
15	NEO KIAN MENG	PPD	69	1	15	19	76	KH-THAC	Singapore
16	NGUYỄN VIỆT CHINH	PPD	65-66	2	12		60	KH-THAC	Vietnamese
17	TRẦN ĐOÀN HUƠNG	PPD					70	KH-THAC	Vietnamese
18	LÊ NGỌC SƠN	PPD	56-57	2	8		70	KH-THAC	Vietnamese
19	NGUYỄN VĂN SƠN	PPD	55	1	7		70	KH-THAC	Vietnamese
20	AFANASEV	PPD	60	1	12		98	KH-THAC	Russian
21	TRẦN XUÂN TRƯỞNG	PPD	84	1	9	30	75	CỎ DIÊN	Vietnamese
22	REVIKIN V.N	RP3	18	1	8		95	KHI	Russian

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	PPD	21	25	169	1.619	64	14	2	CHUYEN 01 PAX TU PPD SANG BK5, CHUYEN 01 PAX TU PPD SANG RP3
2	BK5	0	0	0	0	40	0		
3	RP3	1	1	8	95	0	8		
TOTAL		22	26	177	1.714	104	22		
WEIGHT KG				177	1.714	104			

GRAND TOAL: 1.995 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 22/10/2019	FROM: VT	AIRCRAFT: 416	ETD: 07:50
FLIGHT: 04	TO: P6 - RP2	CREW: Cương - KHAI - HTNam	ETA: 09:30
TRANG-1A			

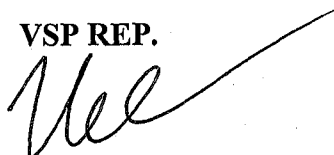
No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	KIRICHENKO S.P	P6	01	1	6		75	KH-THAC	Russian
2	PIATOV S.V	P6	09	1	6		88	KH-THAC	Russian
3	VŨ VĂN HOÀN	P6	06	1	4	35	75	KH-THAC	Vietnamese
4	THAI TRỌNG BÌNH	P6	20	1	10		82	KH-THAC	Vietnamese
5	ĐẶNG THỌ TÂM	P6	12	1	5		62	KH-THAC	Vietnamese
6	PHƯƠNG VĂN MINH	P6	03	1	7		75	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYỄN HỮU NHAN	P6					67	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYỄN NHẬT THANH	P6	07	1	7		65	KH-THAC	Vietnamese
9	HA DUY ĐÔNG	P6					90	KH-THAC	Vietnamese
10	HOANG TIEN DUNG	P6	13	1	6		83	KH-THAC	Vietnamese
11	ĐỖ VĂN TUNG	P6					60	KH-THAC	Vietnamese
12	TRẦN HUY THAI	P6	04	1	3		75	KH-THAC	Vietnamese
13	PHẠM NGỌC AN	P6	15	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
14	DƯƠNG VĂN CƯỜNG	P6	05	1	3		76	KH-THAC	Vietnamese
15	HOANG THAI ANH	P6	02	1	5		78	KH-THAC	Vietnamese
16	HA XUAN THANH	P6	16	1	4		101	KH-THAC	Vietnamese
17	LÊ QUANG MINH	P6					77	KH-THAC	Vietnamese
18	ĐẶNG TRỌNG GIAO	P6	17	1	4		65	KH-THAC	Vietnamese
19	TRẦN BUI TOÀN	P6	08	1	3		57	KH-THAC	Vietnamese
20	NGUYỄN VĂN HÙNG	P6	18-19	2	7		60	KH-THAC	Vietnamese
21	TRẦN XUÂN KHANH	P6	14	1	3		63	KH-THAC	Vietnamese
22	TRAN VINH QUANG	P6	10-11	2	10		70	Y TE	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P6	22	20	98	1.614	35	16		
2	RP2	0	0	0	0	0	6		
TOTAL		22	20	98	1.614	35	22		
WEIGHT KG				98	1.614	35			

GRAND TOAL: 1.747 KGS

VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 22/10/2019	FROM: VT	AIRCRAFT: 406	ETD: 09:30
FLIGHT: 05	TO: P4 - P5 - P3	CREW: Hôi - DUONG - VAnh - DTùng	ETA: 11:10
XANH-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN TIẾN HÒA	P4	98	1	2		75	KHOAN	Vietnamese
2	YAKIMENKO V.A.	P4	97	1	7		114	KHI	Russian
3	ZAGYDAEV V.E	P4	99	1	5		77	KHI	Russian
4	NGUYỄN QUANG HA	P4	34	1	2		70	KHI	Vietnamese
5	PHẠM QUỐC DUY	P4	36	1	2		62	KHI	Vietnamese
6	LÊ VĂN HOÀN	P4	32	1	2		70	KHI	Vietnamese
7	TRẦN VĂN PHÚC	P4	37	1	5		72	KHI	Vietnamese
8	NGUYỄN VĂN THỊNH	P4	96	1	7		72	KHI	Vietnamese
9	TRẦN ĐẠI	P4	38	1	7		75	KHI	Vietnamese
10	LÊ VĂN MẠNH	P4					58	KHI	Vietnamese
11	NGUYỄN LÊ HUY	P4	95	1	5		65	KHI	Vietnamese
12	DƯƠNG ĐÌNH HIỀN	P4	35	1	4	10	69	KHI	Vietnamese
13	VŨ NGỌC TUẤN	P4	39	1	5		85	KHI	Vietnamese
14	VŨ ĐÌNH CƯỜNG	P4	900	1	4		76	KHI	Vietnamese
15	VŨ VIỆT HUÂN	P4	40	1	10		68	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYỄN THANH TRUNG	P4	41	1	13		75	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYỄN QUANG NAM	P4	33	1	5		63	KHI	Vietnamese
18	ĐỒNG VĂN THỊNH	P5	57	1	10	35	80	KH-THAC	Vietnamese
19	TẠ NGỌC THANH	P3	98	1	14	40	74	KH-THAC	Vietnamese
20	NGUYỄN THANH TÂM	P3	99	1	12	15	84	KH-THAC	Vietnamese
21	NGUYỄN QUỐC HÙNG	P3	600	1	7	73	71	KH-THAC	Vietnamese
22	VŨ CHÍ CÔNG	P3	97	1	9		53	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

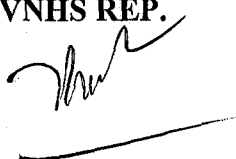
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P4	17	16	85	1.246	10	11		
2	P5	1	1	10	80	35	0		
3	P3	4	4	42	282	128	11		
TOTAL		22	21	137	1.608	173	22		
WEIGHT KG				137	1.608	173			

GRAND TOTAL: 1.918 KGS

VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST

DATE: 22/10/2019	FROM: VT	AIRCRAFT: 420	ETD: 09:35
FLIGHT: 06	TO: RP3	CREW: HUNG - Linh - D Nam -	ETA: 11:15
CAM-2		MQUAN	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	PHAM VAN KY	RP3	76	1	4		70	KHI	Vietnamese
2	PHAM QUOC KHANH	RP3					85	KHI	Vietnamese
3	PHAM DUC TOAN LOC	RP3	19	1	5		80	KHI	Vietnamese
4	NGUYEN VAN CU	RP3	28	1	5	88	60	KHI	Vietnamese
5	HOANG VAN HAI	RP3	24	1	10	12	63	KHI	Vietnamese
6	NGUYEN THANH TUNG	RP3	29	1	5	7	80	KHI	Vietnamese
7	NGUYEN VIET KY	RP3	21-22	2	10		65	KHI	Vietnamese
8	NGO NGOC HAN	RP3	80	1	5		65	KHI	Vietnamese
9	VO DON LONG	RP3	26	1	5		65	KHI	Vietnamese
10	LE NHU NGUYEN	RP3	91-92	2	15		70	KHI	Vietnamese
11	PHAM DINH TUAN	RP3	20	1	5	20	60	KH-THAC	Vietnamese
12	DINH BAO CUONG	RP3	74	1	5		63	KH-THAC	Vietnamese
13	TRAN ANH DUNG	RP3	75	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
14	LAI VAN MINH	RP3	23	1	4		60	KHI	Vietnamese
15	TA PHI KHANH	RP3	27	1	5		75	KHI	Vietnamese
16	DO PHU SANG	RP3	81	1	5		80	KHI	Vietnamese
17	NGUYEN ANH TUAN	RP3	84	1	5		70	KHI	Vietnamese
18	NGUYEN QUANG LINH	RP3	82	1	5		70	KHI	Vietnamese
19	LAI TUAN KY	RP3	85	1	5		75	KHI	Vietnamese
20	NGUYEN VAN VY	RP3	25	1	5		65	PSV	Vietnamese
21	HO QUOC CUONG	RP3	78-79	2	10		63	PVGAS	Vietnamese
22	DO XUAN LOI	RP3	77	1	5		78	PVGAS	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RP3	22	24	128	1.532	127	22		
TOTAL		22	24	128	1.532	127	22		
WEIGHT KG				128	1.532	127			

GRAND TOAL: 1.787 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 22/10/2019	FROM: VT	AIRCRAFT: 427	ETD: 09:40
FLIGHT: 08	TO: P6 - VSP01	CREW: TUYỀN - Khang - NPhú - Luy	ETA: 11:20
TRANG - 2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	VƯƠNG QUỐC VIỆT	P6	51	1	6		65	CODIEN	Vietnamese
2	TRẦN VĂN ĐOÀN	P6	49	1	16		76	XAYLAP	Vietnamese
3	TRẦN ĐỨC TOÀN	P6	92-93	2	12		62	XAYLAP	Vietnamese
4	HOÀNG VĂN VIÊN	P6	894-895	2	17		80	XAYLAP	Vietnamese
5	HA HUU THAI	P6	98-99	2	18		65	XAYLAP	Vietnamese
6	NGUYỄN SỸ MỸ	P6	47-48	2	17		63	XAYLAP	Vietnamese
7	NGUYỄN DUY PHƯƠNG	P6	90	1	9	11	50	XAYLAP	Vietnamese
8	TRẦN VĂN CHIÊU	P6	94	1	10		62	XAYLAP	Vietnamese
9	BUI TRỌNG HỘI	P6	95	1	11		66	XAYLAP	Vietnamese
10	NGUYỄN HOÀNG MINH HIẾU	P6	96-97	2	18		62	XAYLAP	Vietnamese
11	VU ANH TUAN	P6	50	1	9	16	67	CODIEN	Vietnamese
12	NGUYỄN HAI NAM	VSP01	41	1	6	20	73	CTY HA L	Vietnamese
13	GRICHENKOV	VSP01	35	1	10		93	KH-THAC	Russian
14	NGUYEN MANH TUAN	VSP01	37	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
15	ROMANOV	VSP01	39	1	6		110	KH-THAC	Russian
16	PHAM VAN DUC	VSP01	34	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
17	PHAN VĂN SƠN	VSP01	40	1	6		73	KH-THAC	Vietnamese
18	TRẦN VĂN CHÂU	VSP01	36	1	3		60	KH-THAC	Vietnamese
19	NGUYỄN THANH TUNG	VSP01	43	1	6		66	KH-THAC	Vietnamese
20	BORVINSKY	VSP01	38	1	8		85	KH-THAC	Russian
21	LE THANH TUAN	VSP01					76	KH-THAC	Vietnamese
22	NGUYỄN ĐỨC THIÊN	VSP01	42	1	3		64	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

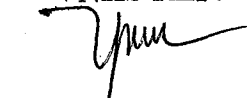
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P6	11	16	143	718	27	11		
2	VSP01	11	10	58	830	20	11		
TOTAL		22	26	201	1.548	47	22		
WEIGHT KG				201	1.548	47			

GRAND TOAL: 1.796 KGS

VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST



DATE: 22/10/2019	FROM: VT	AIRCRAFT: 416	ETD: 09:50
FLIGHT: 08	TO: PPD - TTC1	CREW: Cương - KHẢI - HTNam	ETA: 11:30
NAU-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	DO XUAN LINH	PPD	18	1	6	24	83	CODIEN	Vietnamese
2	NGUYEN VIET DAI	PPD				20	74	KHI	Vietnamese
3	NGO SY THANH	PPD	16	1	5		87	KHI	Vietnamese
4	LE DUC THANG	PPD	06	1	6		75	KHI	Vietnamese
5	TRAN QUOC HUNG	PPD	09	1	3		57	KHI	Vietnamese
6	NGUYEN ANH TU	PPD	14	1	13		74	KHI	Vietnamese
7	VU VAN SONG	PPD	07	1	3		72	KHI	Vietnamese
8	LUONG MANH DUONG	PPD	13	1	6		63	KHI	Vietnamese
9	LE THANH TRUNG	PPD	08	1	5		65	KHI	Vietnamese
10	DOAN MANH TOAN	PPD					70	KHI	Vietnamese
11	TRAN VAN THANH	PPD	12	1	5	6	55	KHI	Vietnamese
12	NGUYEN DUC LAM	PPD	17	1	6	45	80	KHI	Vietnamese
13	NGUYEN VAN SANG	PPD	10-11	2	7		70	KHI	Vietnamese
14	LE QUANG NINH	PPD					65	KHI	Vietnamese
15	PHAM HONG VAN	PPD	15	1	5		72	PSV	Vietnamese
16	VU VAN TIEN	PPD	05	1	5		67	PSV	Vietnamese
17	NGUYEN DUC TRONG	PPD	22	1	9		58	PSV	Vietnamese
18	TRAN TRUNG HIEU	TTC1	12-13	2	5		67	KH-THAC	Vietnamese
19	TRAN LINH HOAT	TTC1	09	1	6	60	75	KH-THAC	Vietnamese
20	NGUYEN SON TUNG	TTC1	11	1	4		74	KH-THAC	Vietnamese
21	NGUYEN XUAN THUONG	TTC1	10	1	8		67	KH-THAC	Vietnamese
22	NGUYEN VAN HUNG	TTC1					72	GETRACO	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	PPD	17	15	84	1.187	95	10		
2	TTC1	5	5	23	355	60	10		
TOTAL		22	20	107	1.542	155	20		
WEIGHT KG				107	1.542	155			

GRAND TOAL: 1.804 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 22/10/2019	FROM: VT	AIRCRAFT: 406	ETD: 11:30
FLIGHT: 09	TO: JS2 - RC3 - VSP01	CREW: HỒI - TRƯỜNG - V.Linh -	ETA: 13:10
XANH-3		Q.Trường	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN CÔNG TÂM	JS2	91	1	7		68	KHOAN	Vietnamese
2	NGUYỄN TU ĐỘ	JS2	90	1	5		67	KHOAN	Vietnamese
3	VŨ THẾ HÙNG	JS2	89	1	10		56	KHOAN	Vietnamese
4	NGUYỄN ĐỨC THẮNG	JS2	87-88	2	17		65	KHOAN	Vietnamese
5	LUONG THE HIEN	RC3	17	1	10	80	62	NIPI	Vietnamese
6	HOANG PHUC LUONG	VSP01					73	KH-THAC	Vietnamese
7	ĐẶNG ĐỨC ANH	VSP01					70	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYỄN XUÂN THUY	VSP01	55	1	4		65	KH-THAC	Vietnamese
9	TÔ HÙNG DŨNG	VSP01	48	1	5		79	KH-THAC	Vietnamese
10	TRẦN VĂN BÁC	VSP01	56	1	3		65	KH-THAC	Vietnamese
11	PHAN VĂN TRƯỜNG	VSP01	54	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
12	HUYNH HAI	VSP01	47	1	4		91	KH-THAC	Vietnamese
13	PHAN THANH HA	VSP01	46	1	18		69	KH-THAC	Vietnamese
14	TRẦN VĂN THUY	VSP01	53	1	5		64	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYỄN TRỌNG NAM	VSP01	52	1	7		85	KH-THAC	Vietnamese
16	ĐỖ ĐÌNH VĂN	VSP01					70	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYỄN DUY ĐÔNG	VSP01	57	1	5		72	KH-THAC	Vietnamese
18	PHAN THANH LỢI	VSP01	49	1	4		83	KH-THAC	Vietnamese
19	CAO QUANG HUNG	VSP01	58	1	6	18	105	CODIEN	Vietnamese
20	VŨ NGỌC THÁI SƠN	VSP01	59	1	10		69	CODIEN	Vietnamese
21	HOANG CAO TRI	VSP01	50-51	2	14		78	YTE	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	JS2	4	5	39	256	0	2 + 1		CHUYỂN 1 PAX JS2 SANG RC3
2	RC3	1	1	10	62	80	0		
3	VSP01	16	14	90	1.203	18	20		
TOTAL		21	20	139	1.521	98	22		
WEIGHT KG				139	1.521	98			

GRAND TOAL: 1.758 KGS

VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 22/10/2019	FROM: VT	AIRCRAFT: 416	ETD: 11:50
FLIGHT: 10	TO: P6 - P8 - CTK3	CREW: ĐỨC - Cường - HTNam	ETA: 13:30
NAU-3			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	VU THANH TIEN	P6	06	1	10		48	GETRACO	Vietnamese
2	PHAN HUY THUAN	P6	93-94	2	20		58	BASON	Vietnamese
3	BUI THO BAN	P6	95	1	5		70	BASON	Vietnamese
4	LAZAREV	P8	79	1	7		80	KH-THAC	Russian
5	NGUYEN KIM SON	P8	74	1	5		67	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYEN HOAI VU	P8	67	1	5		63	D-HANH	Vietnamese
7	POSPELOV	P8	80	1	10		95	D-HANH	Russian
8	BORIS HUBER	P8	75	1	10		95	D-HANH	DEUTSCH
9	LE THANH HIEP	P8	69-70	2	12		62	D-HANH	Vietnamese
10	NGUYEN TRONG HOA	P8	66	1	12		78	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYEN VIET PHUONG	P8	68	1	5		82	KH-THAC	Vietnamese
12	TRAN ANH TRI	P8	71	1	5		67	KH-THAC	Vietnamese
13	DAO NGUYEN HUNG	P8					69	KH-THAC	Vietnamese
14	TRAN KIM CUONG	P8	78	1	5		64	KH-THAC	Vietnamese
15	PHAN THANH NAM	P8	77	1	8		72	KH-THAC	Vietnamese
16	DAO TIEN DAT	P8	72-73	2	12		73	KH-THAC	Vietnamese
17	LE NGUYEN NHAT LINH	P8					90	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYEN QUOC TANH	P8	81	1	5		82	KH-THAC	Vietnamese
19	PHUNG HA TAI	P8	76	1	5		92	KH-THAC	Vietnamese
20	DUONG TRI NAM	P8					70	KH-THAC	Vietnamese
21	THAI QUAN	P8	82-83	2	10		60	KH-THAC	Vietnamese
22	NGUYEN BA HOANG	P8					72	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

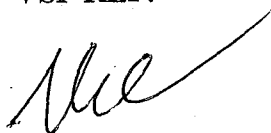
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P6	3	4	35	176	0	0		
2	P8	19	18	116	1.433	0	15		
3	CTK3	0	0	0	0	0	7		
TOTAL		22	22	151	1.609	0	22		
WEIGHT KG				151	1.609	0			

GRAND TOAL: 1.760 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN






FLIGHT MANIFEST



DATE: 22/10/2019	FROM: VT	AIRCRAFT: 420	ETD: 11:35
FLIGHT: 11	TO: AMD - TTC2 - P4	CREW: HUNG - KHOAN - XTruong - Toan	ETA: 13:15
TIM - 3			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYEN NGOC ĐỨC	AMD	59	1	5		85	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYEN NAM TRUNG	AMD	58	1	3		72	KH-THAC	Vietnamese
3	HOANG DINH VINH	AMD	62-63	2	15		70	KH-THAC	Vietnamese
4	TRAN ĐỨC CUONG	AMD	60-61	2	10		65	KH-THAC	Vietnamese
5	LA NGOC MANH (PVD)	AMD	56	1	9		58	KH-THAC	Vietnamese
6	HOANG VAN SAU	AMD	57	1	5		58	KH-THAC	Vietnamese
7	TRAN VAN THUY (PVD)	AMD	86	1	5		75	KH-THAC	Vietnamese
8	PHUNG MINH HIEU	TTC2	29	1	3		75	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYEN NGOC XUAN	TTC2	600	1	6		55	KH-THAC	Vietnamese
10	LE PHUONG	TTC2	92	1	5		53	KH-THAC	Vietnamese
11	LUU VAN AN	TTC2	28	1	6		66	KH-THAC	Vietnamese
12	HOANG QUOC HUY	TTC2	13,39	2	17	80	85	CODIEN	Vietnamese
13	DUONG HUU THUAN	TTC2	12	1	5		63	CODIEN	Vietnamese
14	LUU QUY TRUNG	TTC2	20	1	6		65	PSV	Vietnamese
15	LE QUANG VINH	P4	22	1	8	50	73	KHI	Vietnamese
16	ALESSANDRO GIORDANO	P4	23	1	8		75	KHI	Italian
17	NGUYEN VAN THE	P4	28	1	5	55	68	KHI	Vietnamese
18	PHAM HONG QUY	P4	26	1	10		67	DVL	Vietnamese
19	DAO ANH HUYNH	P4	01	1	10		73	DVL	Vietnamese
20	PHAM VAN DAM	P4	24	1	8		70	DVL	Vietnamese
21	TRAN VIET HO	P4	25	1	13		70	DVL	Vietnamese
22	PHAN VINH TRUONG	P4	27	1	10		65	DVL	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	AMD	7	9	52	483	0	3		
2	TTC2	7	8	48	462	80	5		
3	P4	8	8	72	561	105	13		
TOTAL		22	25	172	1.506	185	21		
WEIGHT KG				172	1.506	185			

GRAND TOAL: 1.863 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 22/10/2019	FROM: VT	AIRCRAFT: 406	ETD: 13:30
FLIGHT: 12	TO: AMD - TGTH4 - TTC3	CREW: HỒi - TRƯỜNG - VLinH - QTrưởng	ETA: 15:10
Vàng -4			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	PHẠM TUẤN ANH	AMD	85.	1	6		67	KH-THAC	Vietnamese
2	TRẦN HỮU ĐẶNG	AMD	79-80	2	12		83	KH-THAC	Vietnamese
3	PHAN DUY PHƯƠNG	AMD	81	1	8	55	72	KH-THAC	Vietnamese
4	LÊ XUÂN HAI	AMD	82	1	10		70	KH-THAC	Vietnamese
5	TRẦN QUỐC HẠO	AMD	88	1	6		48	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYỄN ĐOÀN ĐỨC	AMD	77	1	8		80	KH-THAC	Vietnamese
7	LÊ HỮU HÀ	AMD	76	1	6		69	KH-THAC	Vietnamese
8	NGÔ VĂN BÁC	AMD	83	1	10		67	KH-THAC	Vietnamese
9	IAN RAMSEY	AMD	69-70	2	11		101	BAB	British
10	FARREL YONG	AMD	67-68	2	14		74	BAB	Malaysian
11	HOANG MINH HAI	AMD	86-87	2	12		78	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYỄN THANH HAI	AMD	91-92	2	11		63	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYỄN HỮU TRỌNG	AMD	66	1	9		62	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYỄN HOANG PHÚC	AMD	71-72	2	13		55	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYỄN HỮU LỢI	AMD	65	1	11		63	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYỄN ANH TUẤN	AMD	78	1	13		88	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYỄN THANH SANG	AMD	73	1	7		63	KH-THAC	Vietnamese
18	HÀ VĂN NGHI	AMD	74-75	2	10		55	KH-THAC	Vietnamese
19	LÊ THANH DANH	TGTH4	54-55	2	8		66	KH-THAC	Vietnamese
20	LÊ VĂN TÚ	TGTH4	99	1	8		63	KH-THAC	Vietnamese
21	NGUYỄN ĐÌNH CỬ	TGTH4	88,43	2	18		67	KH-THAC	Vietnamese
22	TRẦN TRUNG KIẾN	TTC3	31	1	5	40	66	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

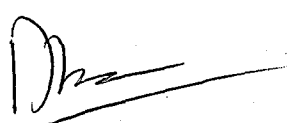
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	AMD	18	25	177	1.258	55	14		
2	TGTH4	3	5	34	196	0	3		
3	TTC3	1	1	5	66	40	5		
TOTAL		22	31	216	1.520	95	22		
WEIGHT KG				216	1.520	95			

GRAND TOAL: 1.831 KGS

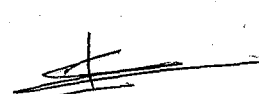
VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST

DATE: 22/10/2019	FROM: VT	AIRCRAFT: 420	ETD: 13:35
FLIGHT: 13	TO: BK4 - BK10 - P8	CREW: HÙNG - KHOÀN - XTrưởng -	ETA: 15:15
CAM-4		Toan	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	CU CHI CÔNG	BK10	77	1	11		66	XAYLAP	Vietnamese
2	TRẦN PHÚC NGUYỄN	BK10	80-81	2	12		84	XAYLAP	Vietnamese
3	NGUYỄN LÊ	BK10	72-73	2	12		71	XAYLAP	Vietnamese
4	NGUYỄN VĂN KHA	BK10	71	1	15	30	75	XAYLAP	Vietnamese
5	ĐANG DUY DUNG	BK10	74-75	2	11		65	XAYLAP	Vietnamese
6	LÊ VĂN THĂNG	BK10	70	1	12		66	XAYLAP	Vietnamese
7	NGUYỄN NGỌC TRƯỜNG	BK10	76	1	15		53	XAYLAP	Vietnamese
8	ĐOÀN CÔNG MẠNH	BK10	78-79	2	15		73	XAYLAP	Vietnamese
9	HÀ VĂN NIỆM	BK10	69	1	11		67	PSV	Vietnamese
10	NGUYỄN VĂN NHAN	P8					59	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYỄN TRÍ HÙNG	P8	53	1	5		75	KH-THAC	Vietnamese
12	ĐO VĂN MINH	P8	85	1	5		62	KH-THAC	Vietnamese
13	TRẦN QUANG HUY	P8	84	1	3		58	KH-THAC	Vietnamese
14	LÝ THANH CHUÔNG	P8	51-52	2	9		68	KH-THAC	Vietnamese
15	PHẠM VĂN ĐÔNG	P8	86	1	5		84	YTE	Vietnamese
16	TRẦN VĂN HẬU	P8	87	1	7		58	PSV	Vietnamese
17	NGUYỄN VINH DUNG	P8	50	1	5		71	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	BK4	0	0	0	0	0	0 + 4		CHUYEN 4 PAX BK4 SANG BK10
2	BK10	9	13	114	620	30	0		
3	P8	8	8	39	535	0	22		
TOTAL		17	21	153	1.155	30	22		
WEIGHT KG				153	1.155	30			

GRAND TOAL: 1.338 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN